

BÁO CÁO CẬP NHẬT THÁNG 01/2021

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI LÚA MÌ



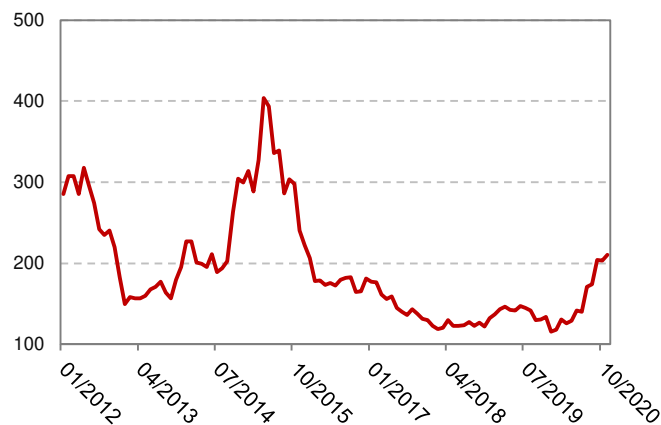
SAIGON FUTURES

TẬN TÂM – CHÍNH TRỰC – KHÁCH QUAN – CHUYÊN NGHIỆP

Saigon Futures – Thành viên kinh doanh chính thức của Sở Giao dịch
Hàng hóa Việt Nam
028 6686 0068
www.saigonfutures.com
dvkh@saigonfutures.com

TỔNG QUAN HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI LÚA MÌ

Diễn biến giá lúa mì CBOT giao ngay toàn cầu (USD/tấn)



Nguồn: St. Louis Fed, SFI Research

Ngắn hạn

Đồng đô la Mỹ tiếp tục suy yếu khi gói kích thích kinh tế Mỹ được thông qua. Giá cước vận tải biển tăng đột biến và tình trạng thiếu container rỗng.

Dài hạn

Nguồn cung lúa mì toàn cầu ổn định. Tiêu thụ lúa mì ngày càng tăng nhanh, đặc biệt trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi tại Trung Quốc. La Nina có chiều hướng mạnh lên.

Chi tiết HĐTL lúa mì CBOT

Hàng hóa giao dịch	Lúa mì Chicago Soft Red Winter CBOT
Mã hàng hóa	ZWA
Độ lớn hợp đồng	5000 giạ/Lot
Đơn vị yết giá	Cent/giạ
Thời gian giao dịch	Thứ 2 – Thứ 6: Phiên 1: 08:00 – 20:45 Phiên 2: 21:30 – 02:20 (ngày hôm sau)
Bước giá	0.25 cent/giạ
Tháng đáo hạn	Tháng 3,4,7,9,12
Ngày đăng ký giao nhận	Ngày làm việc thứ 5 trước ngày thông báo đầu tiên
Ngày thông báo đầu tiên	Ngày làm việc cuối cùng của tháng liền trước tháng đáo hạn
Ngày giao dịch cuối cùng	Ngày làm việc trước ngày 15 của tháng đáo hạn
Ký quỹ	1,513 USD/lot
Giới hạn vị thế	Tối thiểu: 01 HĐ Tối đa: 50 HĐ



ĐIỂM NHẤN CHÍNH

CẬP NHẬT BÁO CÁO THÁNG 12/2020

Như vậy các yếu tố đề cập trong báo cáo trước tiếp tục tác động đến xu hướng tăng giá lúa mì. Nga – quốc gia xuất khẩu lúa mì lớn nhất thế giới đã xác nhận việc thực hiện áp thuế và hạn ngạch xuất khẩu đối với ngũ cốc mà đặt biệt là lúa mì xuất khẩu. Các yếu tố tác động khác như diễn biến đồng đô la Mỹ cũng tiếp tục suy yếu và ủng hộ cho đà tăng giá lúa mì. Mặt khác, điều kiện thời tiết khô hạn La Nina và giá cước vận tải biển đều diễn biến theo chiều hướng hỗ trợ tăng cho giá lúa mì.

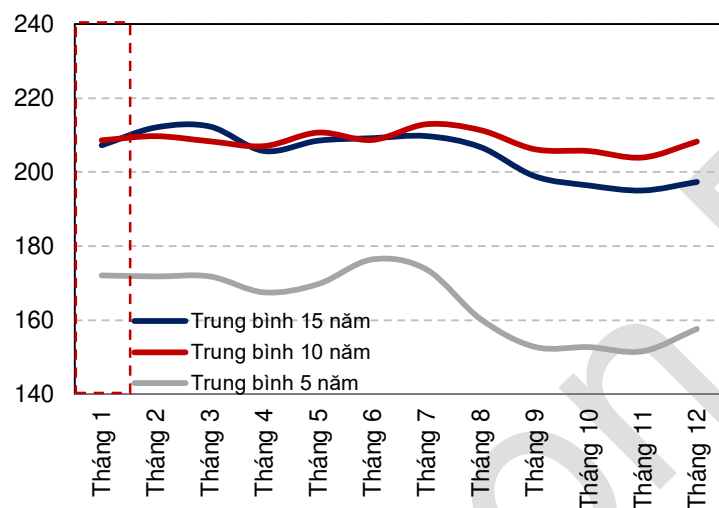
TÓM TẮT BÁO CÁO THÁNG 01/2021

Thị trường lúa mì tiếp tục lo ngại về nguồn cung lúa mì thế giới. Theo các số liệu từ Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) cho thấy tồn kho cuối kỳ lúa mì thế giới và Mỹ trong báo cáo gần nhất đã được điều chỉnh giảm so với các ước tính trong báo cáo tháng trước. Bên cạnh đó, Nga tiếp tục thay đổi các mức thuế xuất khẩu lúa mì với mục đích bảo đảm nguồn cung nội địa trong nước. Về phía nhập khẩu, Trung Quốc vẫn đang là quốc gia nhập khẩu lúa mì lớn nhất thế giới và các mức nhập khẩu liên tục được điều chỉnh tăng trong các báo cáo phát hành hàng tháng từ USDA và sắp chạm mức hạn ngạch thuế quan của quốc gia này.

TÍNH THỜI VỤ - KẾT THÚC VỤ LÚA MÌ MÙA ĐÔNG

Hiện tại hầu hết các khu vực trồng lúa chính trên thế giới đều đã hoàn thành việc gieo trồng cho vụ đông. Đây là giai đoạn lúa mì trải qua thời gian dài tiếp xúc với nhiệt độ lạnh, ngủ đông trong tuyết và sẵn sàng chờ thu hoạch vào đầu hè. Như vậy, nhu cầu lúa mì và nguồn cung có thể xuất khẩu sẽ dựa vào sản lượng cất trữ trong đợt thu hoạch trước đó. Theo tính thời vụ, giai đoạn này giá có xu hướng tăng.

Hình 1: Diễn biến giá lúa mì theo chu kỳ (Đvt: USD/tấn)

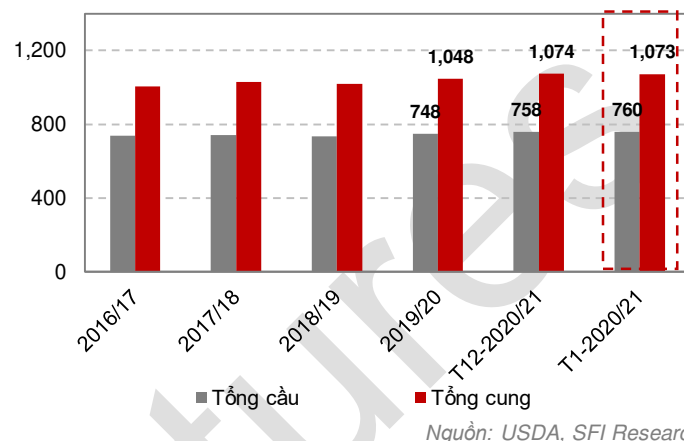


Nguồn: St.Louis Fed, SFI Research

TƯƠNG QUAN CUNG CẦU LÚA MÌ THẾ GIỚI

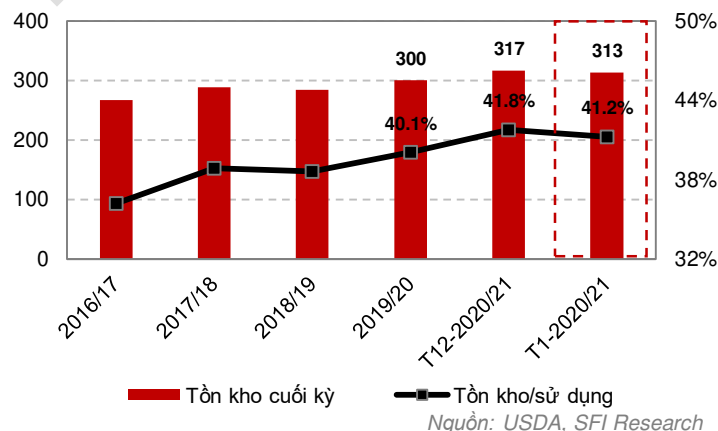
Triển vọng lúa mì toàn cầu tiếp tục ghi nhận tín hiệu tích cực với nguồn cung dư thừa và nhu cầu tiêu thụ mạnh mẽ so với các niên vụ trước. Tuy nhiên, như đã đề cập trong báo cáo trước, nguồn cung lúa mì đang tăng chậm hơn so với nhu cầu tiêu thụ. Điều này sẽ kéo theo tồn kho cuối kỳ sụt giảm, vốn là cơ sở quan trọng trong việc xác định xu hướng tiếp theo của giá lúa mì.

Hình 2: Cung cầu lúa mì thế giới (Đvt: Triệu tấn)



Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), tổng nguồn cung lúa mì toàn cầu niên vụ 2020/21 ước đạt 1072.73 triệu tấn, giảm 1.05% so với ước tính vào tháng trước. Trong khi đó, tổng tiêu thụ lúa mì toàn cầu đạt 759.54 triệu tấn, tăng 0.23% so với ước tính vào tháng trước.

Hình 3: Tồn kho cuối kỳ lúa mì thế giới (Đvt: Triệu tấn)

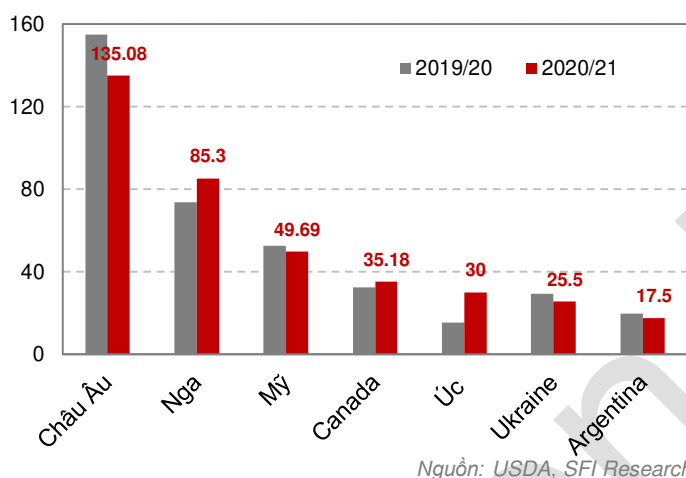


Tỷ lệ tồn kho/sử dụng giảm từ mức 41.8% trong ước tính vào tháng 12/2020 xuống còn 41.2% trong các ước tính vào tháng 1/2021. Điều này đồng nghĩa với 313 triệu tấn lúa mì tồn kho cuối kỳ có thể đáp ứng được ít nhất là 150 ngày tiêu thụ cho cả niên vụ, ít hơn khoảng 2 ngày so với ước tính vào tháng 12/2020.

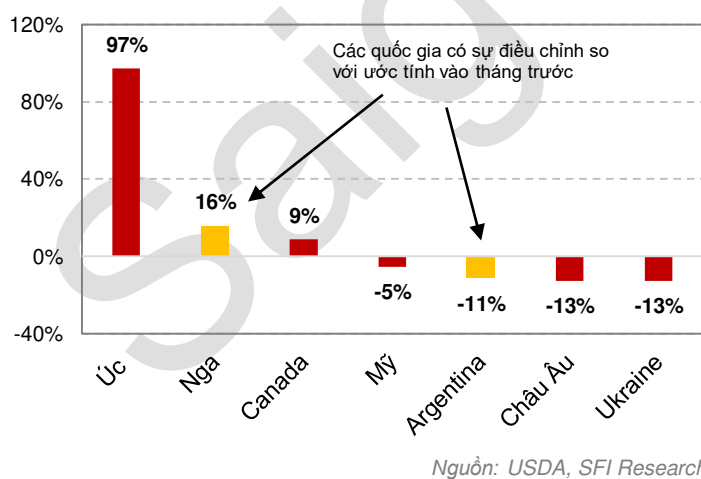
NGUỒN CUNG LÚA MÌ TOÀN CẦU TIẾP TỤC GHI NHẬN TÍN HIỆU TÍCH CỰC

Nhìn chung so với tháng trước, tổng sản lượng lúa mì ước tính các quốc gia xuất khẩu chính trên thế giới thay đổi theo hướng tích cực nhờ vào sản lượng khổng lồ từ Nga đã bù đắp cho phần sụt giảm từ Argentina. Các quốc gia xuất khẩu lớn khác hầu như không có sự thay đổi so với các ước tính vào tháng 12/2020.

Hình 4: Sản lượng lúa mì toàn cầu các quốc gia xuất khẩu chính trên thế giới (Đvt: Triệu tấn)



Hình 5: Sản lượng lúa mì có sự phân hóa giữa các quốc gia xuất khẩu chính



Biểu đồ trên thể hiện mức sụt giảm sản lượng niên vụ 2020/21 của các quốc gia xuất khẩu chính trên thế giới. Như vậy, có thể thấy rằng sản lượng lúa mì trên thế giới chia làm hai phe. Các quốc gia như Úc, Nga và Canada có mức tăng sản lượng rất tốt so với niên vụ trước. Trong đó, Nga là quốc gia được điều chỉnh tăng sản lượng so với các ước tính vào tháng 12/2020. Cụ thể, sản lượng lúa mì Nga niên vụ 2020/21 đạt 85.3 triệu tấn, tăng 1.3 triệu tấn so với ước tính vào tháng 12/2020. Phe giảm ghi nhận sản lượng sụt giảm mạnh từ các quốc gia chủ chốt, Argentina là quốc gia tiếp tục được điều chỉnh giảm sản lượng lúa mì niên vụ 2020/21.

Tuy nhiên, có thể thấy tổng sản lượng lúa mì thế giới là sụt giảm so với ước tính vào tháng trước. Nguyên nhân do Trung Quốc có sự điều chỉnh giảm về sản lượng.

Mặc dù Trung Quốc không phải là quốc gia xuất khẩu lúa mì lớn trên thế giới, nhưng Trung Quốc là quốc gia có sản lượng lúa mì lớn nhất thế giới. Theo USDA, sản lượng lúa mì Trung Quốc niên vụ 2020/21 ước tính đạt 134.25 triệu tấn, giảm 1.75 triệu tấn so với ước tính vào tháng 12/2020, tương đương giảm 1.3%. Điều này đặc biệt có ý nghĩa tác động đến việc nhập khẩu lúa mì Trung Quốc, một trong những động lực thúc đẩy giá lúa mì thế giới tăng cao trong giai đoạn gần đây.

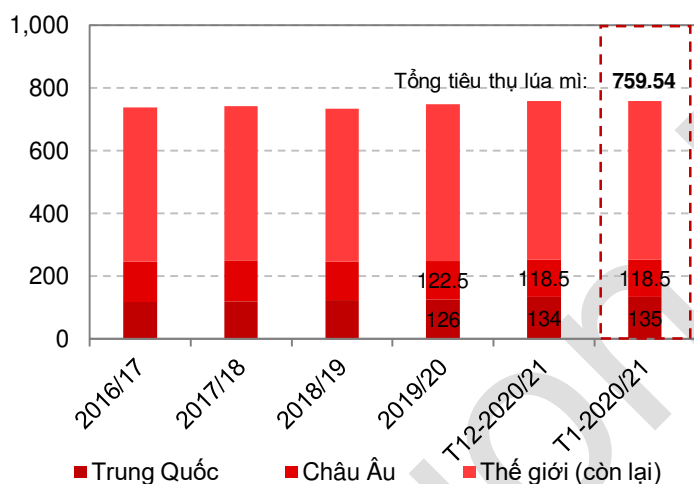
Bảng: Năng suất lúa mì tại các quốc gia xuất khẩu chính trên thế giới

Quốc gia	Năng suất (tấn/ha)	Thay đổi (%)	
		2019/20	T12-2020/21
Úc	2.31	+ 55.0%	0.0%
Nga	2.98	+ 10.4%	+1.4%
Nga (mùa xuân)	2.08	+ 17.5%	+ 1.0%
Nga (mùa đông)	3.66	+ 7.3%	+ 1.9%
Canada	3.51	+ 3.8%	0.0%
Mỹ	3.34	-3.7%	0.0%
Argentina	2.78	-5.4%	-1.1%
Châu Âu	3.49	-6.6%	0.0%
Ukraine	3.75	-9.9%	0.0%

TIÊU THỤ LÚA MÌ TOÀN CẦU TĂNG NHANH

Về mặt tiêu thụ, các số liệu ước tính tiếp tục được USDA điều chỉnh tăng so với tháng trước. Tiêu thụ lúa mì toàn cầu niên vụ 2020/21 ước tính đạt 759.54 triệu tấn, tăng 1.76 triệu tấn so với ước tính vào tháng trước. Hai khu vực tiêu thụ lúa mì lớn nhất thế giới là Châu Âu và Trung Quốc chỉ ghi nhận mức điều chỉnh tăng từ Trung Quốc (tăng 1 triệu tấn lên mức 135 triệu tấn so với ước tính vào tháng trước), trong khi đó Châu Âu không có sự điều chỉnh so với tháng trước. Mỹ cũng đóng góp vào mức tăng tiêu thụ của toàn cầu khoảng 0.71 triệu tấn lên mức 31.38 triệu tấn.

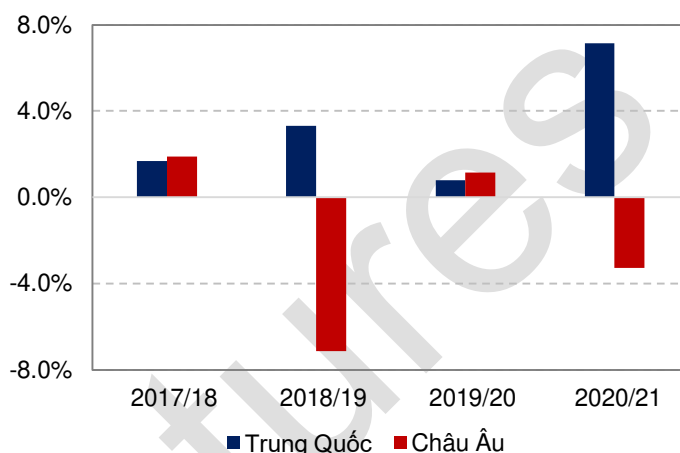
Hình 6: Tiêu thụ lúa mì toàn cầu tại các khu vực chủ chốt trên thế giới (Đvt: Triệu tấn)



Nguồn: USDA, SFI Research

Mức tăng tiêu thụ lúa mì chủ yếu dùng trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi. So với niên vụ trước thì Châu Âu và Trung Quốc là hai thái cực trái ngược nhau. Theo ước tính mới nhất từ USDA, tiêu thụ lúa mì dùng trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi tăng 12 triệu tấn, trong khi đó Châu Âu chỉ ghi nhận mức tăng 4 triệu tấn so với niên vụ trước. Trong báo cáo gần nhất từ USDA, tiêu thụ trong lĩnh vực chăn nuôi Trung Quốc tăng 1 triệu tấn lên mức 25 triệu tấn, Châu Âu giữ nguyên mức ước tính 49 triệu tấn so với tháng trước.

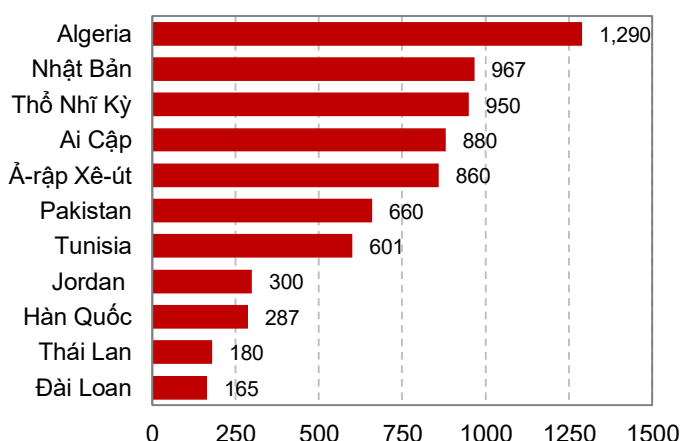
Hình 7: Thay đổi tiêu thụ trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi tại Trung Quốc và Châu Âu



Nguồn: USDA, SFI Research

Tình hình đấu thầu lúa mì quốc tế cũng hết sức sôi động với tổng cộng 46 quốc gia mở thầu với tổng khối lượng 7.2 triệu tấn ở mức giá trung bình là 290.44 USD/tấn. Algeria có khối lượng mở thầu lớn nhất với 1.29 triệu tấn tại mức giá trung bình là 293.56 USD/tấn. Đứng thứ hai Nhật Bản với khối lượng là 966 nghìn tấn với giá trung bình chưa xác định. Trong khi đó, mức giá mở thầu trung bình lớn nhất là Tunisia với 329.24 USD/tấn, khối lượng đạt 601 nghìn tấn.

Hình 8: Các quốc gia mở thầu lúa mì trong 3 tháng gần nhất (Đvt: Nghìn tấn)



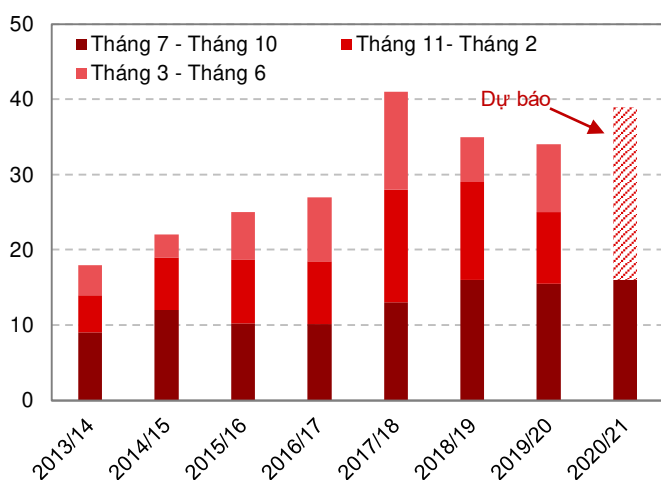
Dữ liệu cập nhật đến ngày 25/01/2021
Nguồn: AgriCensus, SFI Research

TÌNH HÌNH THƯƠNG MẠI LÚA MÌ TOÀN CẦU

Bộ Nông nghiệp Mỹ đã có sự điều chỉnh giảm đối với xuất khẩu lúa mì. Xuất khẩu lúa mì từ Nga đạt 40 triệu tấn, giảm 1 triệu tấn so với ước tính vào tháng 12/2020. Trong khi đó, xuất khẩu lúa mì Canada ước tính tăng 0.5 triệu tấn so với ước tính vào tháng trước lên mức 26.5 triệu tấn. Xuất khẩu lúa mì Úc không có sự thay đổi ở mức 20 triệu tấn.

Có thể thấy việc điều chỉnh xuất khẩu của Nga giảm xuống mức 1 triệu tấn do chính phủ nước này đã công bố ban hành các biện pháp hạn chế thương mại nhằm đảm bảo giá lương thực nội địa tăng cao, bất chấp việc quốc gia này có sản lượng lúa mì kỷ lục trong niên vụ 2020/21. Nga là quốc gia xuất khẩu lúa mì lớn nhất thế giới trong niên vụ 2020/21, do đó các biện pháp hạn chế về xuất khẩu sẽ tác động đến giá lúa mì toàn cầu.

Hình 9: Xuất khẩu lúa mì Nga qua các niên vụ



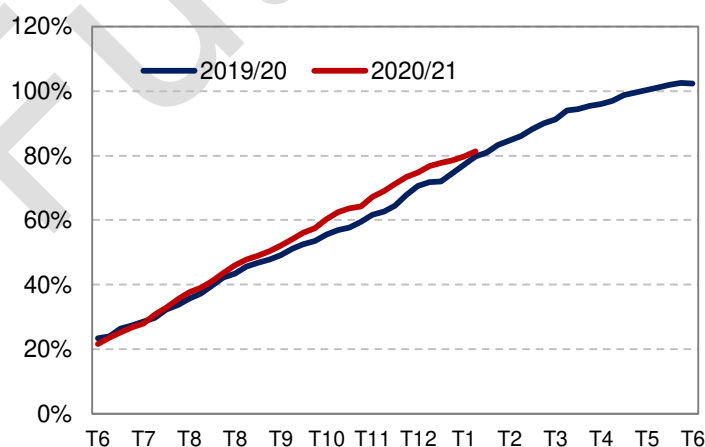
Nguồn: USDA, SFI Research

Các biện pháp hạn chế bao gồm việc áp đặt hạn ngạch xuất khẩu 17.5 triệu tấn lên các loại ngũ cốc cụ thể như lúa mì, lúa mạch đen, đại mạch và ngô có hiệu lực trong khoảng thời gian từ 15/02 cho đến 30/06 năm 2021. Thêm vào đó lúa mì sẽ còn đối mặt với mức thuế quan xuất khẩu ở mức 50 euros/tấn bắt đầu từ tháng 3 và sẽ có hiệu lực trong 4 tháng (so với mức dự kiến trước đó là 25 euros/tấn). Hơn thế nữa, đối với các lô hàng vượt hạn ngạch 17.5 thuế xuất khẩu sẽ ở mức 50% và không thấp hơn 100 euros/tấn.

Việc thực hiện các biện pháp hạn chế này sẽ có thể giảm đi khả năng cạnh tranh lúa mì Nga. Các thị trường lớn khác như Mỹ và các quốc gia Biển Đen sẽ hấp dẫn hơn khi giá lúa mì Nga đã tăng quá cao.

Thị trường xuất khẩu lúa mì lớn thứ hai thế giới là Mỹ không có sự điều chỉnh khối lượng xuất khẩu so với ước tính tháng trước. Bộ Nông nghiệp Mỹ ước tính xuất khẩu lúa mì Mỹ sang tất cả các đối tác sẽ đạt 26.81 triệu tấn trong niên vụ 2020/21, tăng 2% so với niên vụ trước. Trong khi đó, tổng các cam kết xuất khẩu đang đạt 81.2% (tính đến tuần ngày 21/01/2021), cao hơn so với mức 80% cùng kỳ niên vụ trước. Tốc độ xuất khẩu đang bắt đầu có dấu hiệu chậm lại.

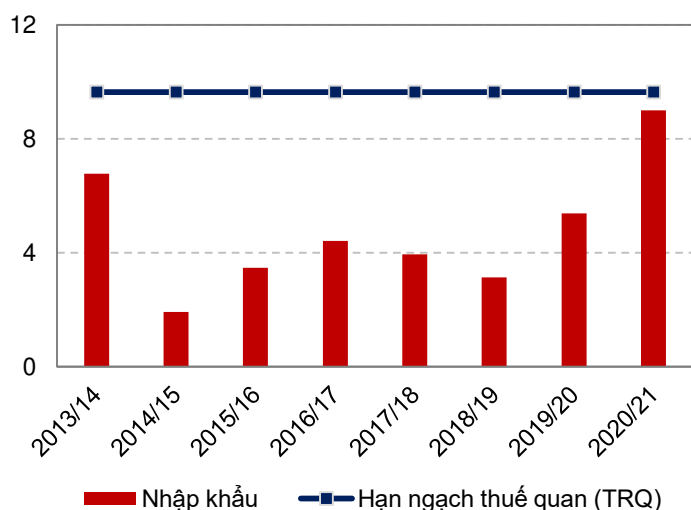
Hình 10: Tổng các cam kết xuất khẩu lúa mì Mỹ đi sang các quốc gia khác



Nguồn: USDA, SFI Research

Về phía nhập khẩu, thị trường đã có những phản ứng trước thông tin Nga ban hành các biện pháp hạn chế xuất khẩu. Chẳng hạn, Ai Cập – quốc gia nhập khẩu lúa mì lớn nhất thế giới – vốn phụ thuộc đến một nửa nguồn nhập khẩu từ Nga cũng đã chuyển sang các thị trường thay thế khác từ Ukraine và Romania cho các đơn hàng giao tháng 2. Thổ Nhĩ Kỳ có đến 3/4 lúa mì nhập khẩu đến từ Nga, đã gia hạn thêm mức thuế nhập khẩu lúa mì ở mức 0% cho đến tháng 5 năm 2021 thay vì đến cuối năm 2020. Thổ Nhĩ Kỳ cũng đang nỗ lực thu mua lúa mì nhằm bình ổn giá trong nước. Một thị trường lớn khác là Bangladesh cũng chuyển hướng thu mua lúa mì từ Nga sang Ấn Độ.

Hình 11: Nhập khẩu lúa mì Trung Quốc qua các giai đoạn (Đvt: Triệu tấn)



Nguồn: USDA, SFI Research

Nhu cầu nhập khẩu lúa mì từ Trung Quốc tiếp tục gia tăng. Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, quốc gia này đã nhập khẩu 880 nghìn tấn lúa mì trong tháng 12, tăng 80 nghìn tấn so với mức nhập khẩu vào tháng 11. Tính từ đầu năm 2020, Trung Quốc đã nhập khẩu 8.38 triệu tấn lúa mì, mức nhập khẩu đang rất gần với ước tính từ USDA là 9 triệu tấn cho cả vụ 2020/21. Trung Quốc hiện tại là đối tác nhập khẩu lúa mì lớn thứ 3 của Mỹ, tính đến ngày 21/01/2021, tổng các cam kết xuất khẩu lúa mì Mỹ đến Trung Quốc là 2.6 triệu tấn.

Bảng: Tóm tắt tình hình thương mại lúa mì thế giới (Nguồn: USDA)

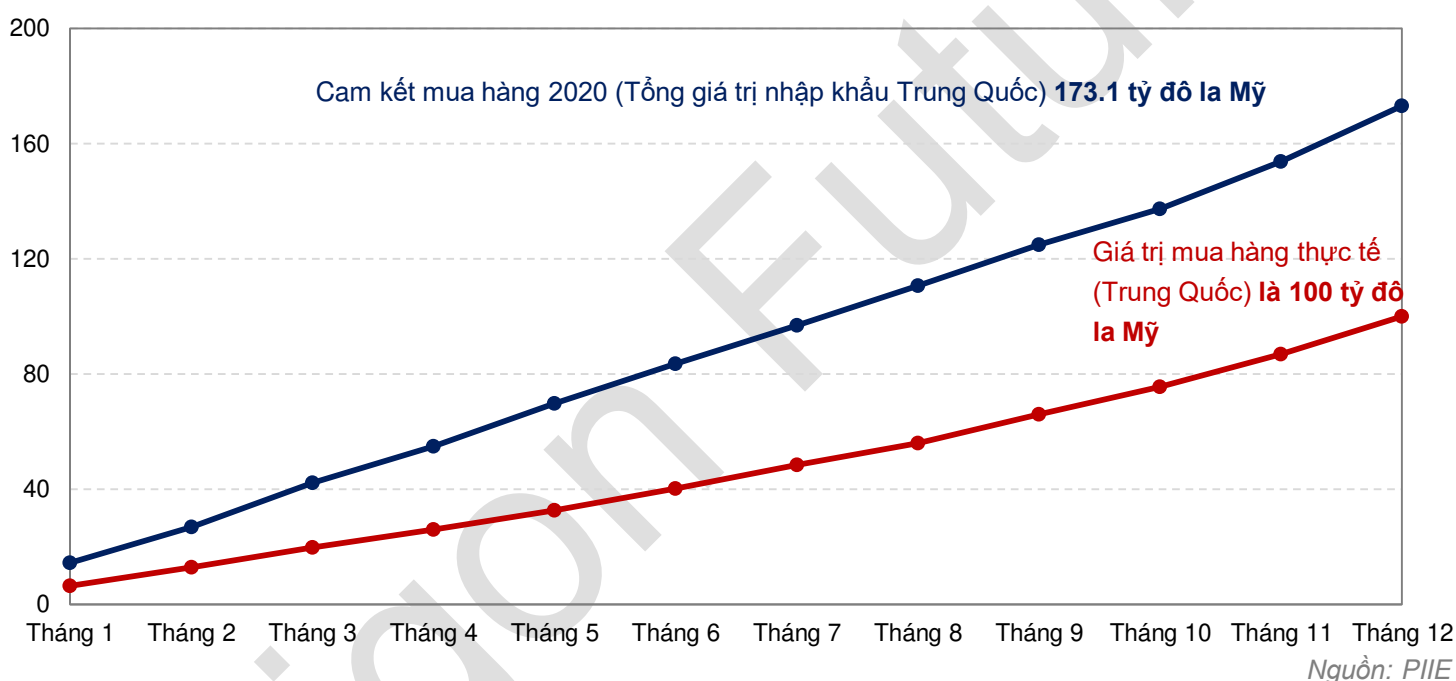
Quốc gia	Đóng góp	Trước (nghìn tấn)	Hiện tại (nghìn tấn)	Thay đổi (nghìn tấn)	Lý do
Algeria	Nhập khẩu	6.800	6.500	-300	Tốc độ nhập khẩu chậm lại
Trung Quốc	Nhập khẩu	8.500	9.000	500	Thu mua lượng lớn từ Canada và Mỹ
Jordan	Nhập khẩu	900	1.200	300	Tốc độ nhập khẩu mạnh với việc gia tăng shipments từ Ukraine và tiếp tục các hoạt động mở thầu
Ả - Rập Xê-Út	Nhập khẩu	1.800	1.500	-300	Tốc độ nhập khẩu chậm lại và sụt giảm tốc nhập khẩu từ Nga
Argentina	Xuất khẩu	12.500	12.000	-500	Sản lượng thấp hơn và sự không ổn định tại các cảng làm ảnh hưởng đến công suất xuất khẩu
Canada	Xuất khẩu	26.000	26.500	500	Xuất khẩu cao hơn đến Trung Quốc
EU	Xuất khẩu	26.000	26.500	500	Gia tăng tính cạnh tranh giữa các biện pháp hạn chế xuất khẩu của Nga
Ấn Độ	Xuất khẩu	1.000	1.800	800	Gia tăng bán hàng đến Bangladesh và các thị trường gần đó
Nga	Xuất khẩu	40.000	39.000	-1.000	Thuế và hạn ngạch xuất khẩu mới

ĐÁNH GIÁ THỎA THUẬN THƯƠNG MẠI GIAI ĐOẠN 1: NĂM 2020

Thỏa thuận thương mại giai đoạn 1 giữa Trung Quốc và Mỹ chính thức có hiệu lực ngày 14 tháng 2 năm 2020. Trung Quốc đồng ý mua thêm hàng hóa và dịch vụ từ Mỹ với tổng giá trị là 200 tỷ đô la Mỹ trong hai năm 2020 và 2021 so với mức năm 2017. Theo thỏa thuận, trong năm 2020 Trung Quốc cam kết sẽ mua không ít hơn 63.9 tỷ đô la Mỹ hàng hóa từ Mỹ vào cuối năm 2020 dựa trên cơ sở năm 2017. Từ đó, mục tiêu mua hàng Trung Quốc năm 2020 là 173.1 tỷ đô la Mỹ.

Trong tháng 12 năm 2020, tổng giá trị nhập khẩu tất cả các sản phẩm từ Mỹ đạt 100 tỷ đô la Mỹ, chỉ đạt 58% so với mức mục tiêu trong năm 2020 là 173.1 tỷ đô la Mỹ. Như vậy trong năm đầu tiên thực hiện cam kết thỏa thuận thương mại với Mỹ, Trung Quốc chưa thể hoàn thành được mục tiêu đề ra.

Hình 12: Hàng hóa nhập khẩu của Trung Quốc theo tiến trình thỏa thuận thương mại giai đoạn 1 (tỷ đô la Mỹ)

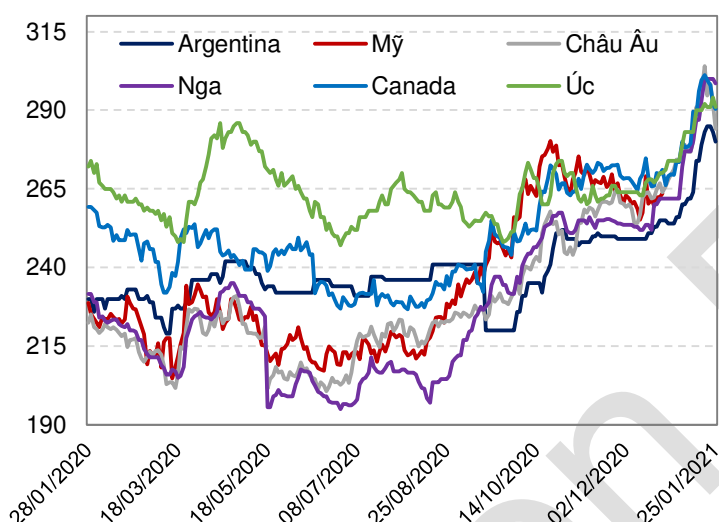


Đối với tất cả các sản phẩm nông nghiệp, Trung Quốc đã cam kết mua thêm 12.5 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020, cao hơn so với mức năm 2017, hàm ý mục tiêu hàng năm ở mức 36.6 tỷ đô la Mỹ. Tính đến tháng 12, mức nhập khẩu hàng hóa nông nghiệp đạt 23.5 tỷ đô la Mỹ. Như vậy, trong năm đầu tiên thực hiện thỏa thuận, các sản phẩm nông nghiệp mà Trung Quốc cam kết mua chỉ đạt 64% mục tiêu.

GIÁ LÚA MÌ XUẤT KHẨU TIẾP TỤC TĂNG NÓNG

Mặc dù giá lúa mì đã có một giai đoạn đi ngang khi tình hình vụ mùa nhìn chung tích cực hơn. Tuy nhiên, giá lúa mì thế giới đã bắt đầu tăng vọt trở lại khi báo cáo Ước tính cung cầu sản lượng nông sản thế giới tháng 1/2021 được Bộ Nông nghiệp Mỹ công bố.

Hình 13: Diễn biến giá lúa mì xuất khẩu các quốc gia lớn trên thế giới (Đvt: USD/tấn)



Ghi chú: Giá FOB. Argentina 12%; US Gulf HRW 11%; Nga 12.5%; Canada CWRS 13.5%; W AUS APW; Châu Âu (Pháp 11.5%).

Dữ liệu cập nhật đến ngày 25/01/2021 Nguồn: AgriCensus, SFI

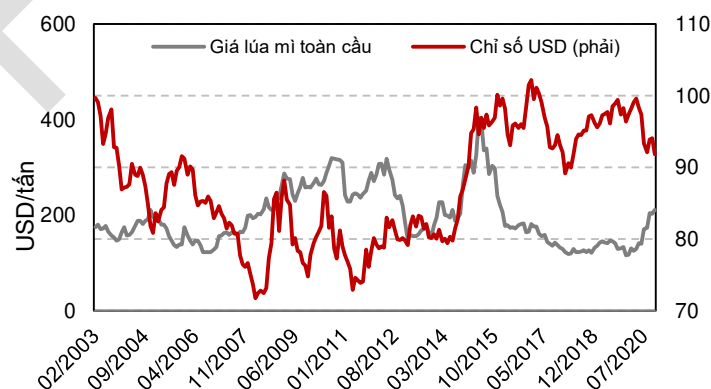
Theo USDA, các số liệu từ báo cáo đã xác nhận cho tồn kho cuối vụ lúa mì thế giới cũng như Mỹ sụt giảm. Bên cạnh đó, giá lúa mì Úc còn được hỗ trợ bởi nhu cầu gia tăng từ Đông Nam Á do lo ngại nguồn cung có thể xuất khẩu sẽ thấp hơn do các biện pháp hạn chế từ Nga. Bên cạnh đó, tác động thời tiết khô hạn gây khó khăn cho vụ mùa, sự suy yếu của nền kinh tế và các cuộc đình công gây ùn ứ tại các cảng xuất khẩu cũng thúc đẩy lúa mì tăng giá tại Argentina.

ĐỒNG ĐÔ LA MỸ SUY YẾU, GIÁ CƯỚC VẬN TẢI BIẾN NGÀY MỘT TĂNG NÓNG

Gói kích thích kinh tế và sức mạnh đồng đô la Mỹ

Tân Tổng thống Mỹ - Joe Biden đã có bài phát biểu tại buổi lễ nhậm chức vào ngày 20/01/2021. Vị tổng thống thứ 46 của Hoa Kỳ tiết lộ một gói hỗ trợ đại dịch với giá trị lên đến 1.9 nghìn tỷ đô la Mỹ. Tân Bộ trưởng Tài chính là bà Janet Yellen cũng hoàn toàn ủng hộ và kêu gọi chính phủ hành động quyết liệt hơn nhằm hỗ trợ phục hồi kinh tế. Tuy nhiên, các gói kích thích với quy mô lớn làm dấy lên lo ngại về các khoản nợ khổng lồ của Hoa Kỳ và về mặt dài hạn sẽ khiến cho đồng USD suy yếu. Ngược lại, điều này sẽ có tác động tích cực đối với hàng hóa. Hiện gói kích thích vẫn còn trong thời gian chờ Quốc hội thông qua.

Hình 14: Diễn biến giá lúa mì và chỉ số sức mạnh đồng đô la Mỹ

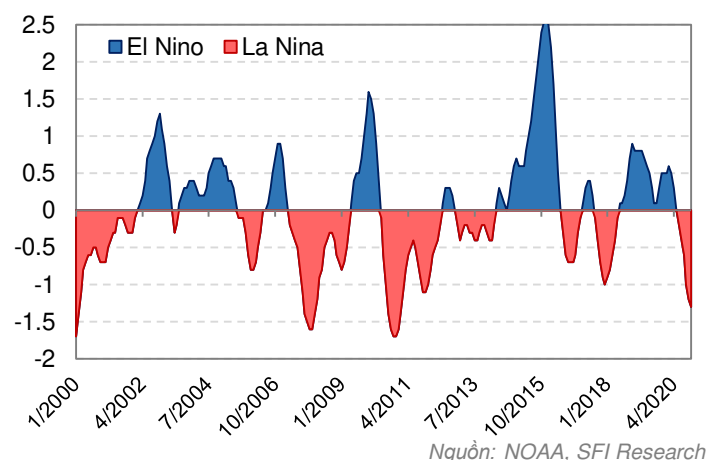


Nguồn: St.Louis Fed, SFI Research

Chỉ số đo lường La Nina

Mức độ của La Nina ngày càng nghiêm trọng khi chỉ số ONI đã rơi xuống mức -1.3 (với mức -1.5 phản ánh điều kiện La Nina mạnh). La Nina gây ra tình trạng khô hạn cho nửa bán cầu Tây và đang có xu hướng lặp lại thời điểm năm 2011-2012. Tình trạng khô hạn kéo dài sẽ tác động tiêu cực đến vụ mùa tại các khu vực trồng trọt nông sản chính trên thế giới như Hoa Kỳ, Nam Mỹ, Liên minh Châu Âu và Biển Đen. Nếu điều kiện này tiếp diễn, sản lượng có thể sẽ thấp hơn, kéo theo nguồn cung có thể xuất khẩu tại các nhà xuất khẩu lớn sụt giảm, dẫn đến giá toàn cầu tăng lên.

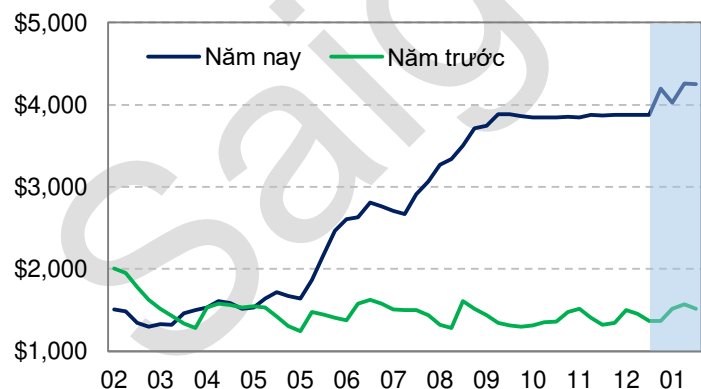
Hình 15: Chỉ số đo lường La Nina (ONI), mức -0.5 phản ánh điều kiện La Nina



Giá cước vận tải biển tiếp tục tăng

Chỉ số container toàn cầu từ Freightos – bình quân có trọng số 12 tuyến vận tải biển container chính trên toàn cầu tiếp tục tăng lên mức 4,071 USD/container 40 feet (FEU) kết thúc tuần ngày 22/01/2021, tương đương với mức tăng 35% (trong tuần kết thúc ngày 18/12/2020). Dường như nỗ lực của các nhà chức trách Châu Á và Hoa Kỳ nhằm duy trì mức giá cước không tăng nóng chưa thực sự mang đến hiệu quả. Trong khi đó, Châu Âu vẫn chưa có những động thái nào trong việc hạn chế giá cước vận chuyển.

Hình 16: Giá cước vận tải biển từ Trung Quốc tới Bờ Tây Bắc Mỹ (USD/FEU)

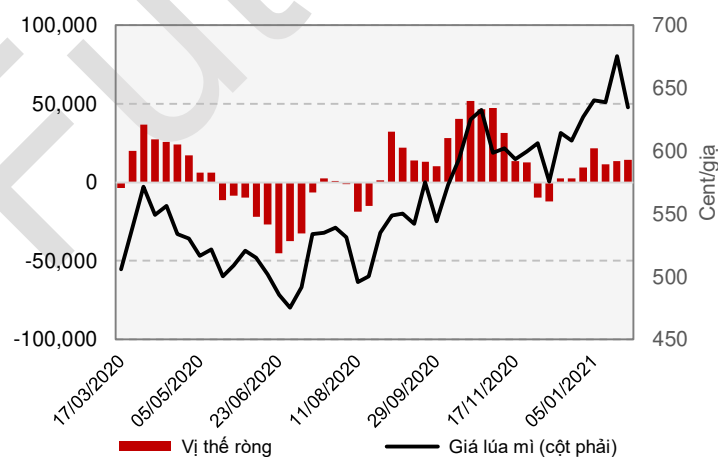


Báo cáo các cam kết thương nhân (Commitments of Traders)

Các Quỹ quản lý tiền tệ (Managed Money) đang tiếp tục nắm giữ vị thế mua ròng (Net Long), tuy nhiên vị thế mua ròng vẫn còn khá thấp. Điều này do các quỹ thực hiện tăng Long qua 3 tuần gần nhất, nhưng mức tăng Long là không cao.

Kết thúc ngày 26/01/2021 Managed Money Long 728 HĐ. Hiện tại, Net Long đạt 14,400. Managed Money tăng dần Net Long. Dự kiến các quỹ sẽ tiếp tục xu hướng tăng mua ròng HĐTL lúa mì trước bối cảnh quốc gia xuất khẩu lúa mì lớn nhất thế giới là Nga thực hiện các biện pháp hạn chế lúa mì.

Hình 17: Trạng thái các Quỹ quản lý tiền tệ (Managed Money)





KẾT LUẬN

Triển vọng

Hiện tại các yếu tố tác động đến giá lúa mì đang củng cố cho xu hướng tăng giá. Hiện tại vụ lúa mì mùa đông đã gieo xong và cây lúa mì đang trong tình trạng ngủ đông. Do đó, nguồn cung lúa mì hiện tại chủ yếu dựa vào các đợt thu hoạch trước đó đã đem cất trữ trong kho. Mặt khác, tình hình thương mại lúa mì đang có những nỗi lo về nguồn cung khi chính phủ Nga tiếp tục thay đổi các biện pháp hạn chế về xuất khẩu lúa mì. Điều này sẽ là yếu tố tác động tới giá lúa mì khi Nga đang là quốc gia xuất khẩu lúa mì số 1 thế giới, trong khi đó các quốc gia khác như Mỹ (đứng vị trí thứ 2 trên thị trường) ghi nhận mức sụt giảm tồn kho ước tính so với báo cáo phát hành vào tháng trước từ Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA). Ngoài ra, việc gia tăng nhập khẩu từ Trung Quốc là một trong những yếu tố rất quan trọng tác động đến xu hướng giá lúa mì.

Rủi ro

Nhu cầu nhập khẩu lúa mì từ Trung Quốc sụt giảm. Điều kiện thời tiết ủng hộ cho vụ lúa mì đang ngủ đông tại các quốc gia xuất khẩu chính.

LIÊN HỆ SAIGON FUTURES

✉ Email: dvkh@saigonfutures.com

🌐 Website: saigonfutures.com

☎ Hotline: 028 6686 0068

📱 Fanpage: Saigon Futures Inc.

NGƯỜI THỰC HIỆN

- **Huỳnh Trần Gia Hân**_Chuyên viên phân tích

Email: han.huynh@saigonfutures.com

- **Nguyễn Duy Khánh**_Chuyên viên phân tích

Email: khanh.nguyen@saigonfutures.com

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra bất kỳ lời khuyên chào mua/bán nào. Các quan điểm và nhận định được trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Chúng tôi không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào phát sinh liên quan đến việc sử dụng thông tin của báo cáo này dưới mọi hình thức. Thông tin sử dụng trong báo cáo này được Saigon Futures thu thập từ nguồn tin cậy vào thời điểm công bố.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi Saigon Futures. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của Saigon Futures. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.